

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-PT
Ngày 27-5-2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất, yêu cầu di dời tài sản trên
đất và hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến;

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 02/2020/QĐPT-DS ngày 16/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐ-PT ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đường Văn G, sinh năm 1949. Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Văn C là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nông Xuân C, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1948. Vắng mặt. Anh Đường Quang B, sinh năm 1988, vắng mặt.

- Chị Đồng Thị M, sinh năm 1975. Vắng mặt
- Chị Nông Thị T, sinh năm 1980, có mặt
- Ông Nông Xuân V, sinh năm 1950. Vắng mặt
- Bà Trần Thị P, sinh năm 1950. Vắng mặt
- Anh Nông Xuân T, sinh năm 1995. Vắng mặt.
- Chị Nông Thị T1, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Đều có nơi cư trú: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đồng Thị M, chị Nông Thị T, chị Nông Thị T1, bà Trần Thị P, ông Nông Xuân V và anh Nông Xuân T là anh Nông Xuân C. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lộc Quang C, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (Theo văn bản số 733/UBND-TNMT ngày 21/5/2019 về việc ủy quyền tham gia giải quyết vụ án). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người giám định:* Ông Hoàng Văn T, Giám định viên tư pháp theo vụ việc về lĩnh vực chuyên ngành đo đạc bản đồ. Địa chỉ: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn: Số 01 Lý Thái T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nông Xuân C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do ông Đường Văn G khai phá từ năm 1984 có tên gọi là khe N thuộc thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 1984 gia đình ông G trồng hoa màu liên tục đến năm 1993 ông G được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng tại Lô số 2/9, diện tích 2,0 ha; lô 5/6a, diện tích 1,7 ha và lô 17/42, diện tích 1,9 ha đều thuộc khoảnh 1, tiểu khu 246. Mặc dù gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện B giao đất nhưng do Lâm Trường B quản lý. Đến cuối năm 2006 thì Lâm Trường B giải thể, năm 2007 anh Nông Xuân C đến hỏi ông để mượn đất trồng sắn, do lúc đó hoàn cảnh gia đình ông con còn nhỏ, vợ ông bị ốm nên ông đã cho anh C mượn đất trồng sắn, năm 2008 anh C đã trồng cây keo xuống, lúc đó ông không nhất trí nên hai bên đã viết giấy thỏa thuận, anh C trồng keo khi nào khai thác thì phải trả lại đất cho ông G (Giấy thỏa thuận ngày 24/4/2008 có sự chứng kiến của Trưởng thôn ông Đồng Xuân T là Trưởng thôn Q, xã V, nhưng hiện nay ông T đã chết). Đến năm 2008, Nhà nước thực hiện đo đạc lập bản đồ thì ông G đi kê khai, đến năm 2016 thì được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số thửa là 843, diện tích 15.502m², tờ bản đồ 02. Đầu năm 2017, gia đình ông G nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã đến nhà anh C yêu cầu anh C khai thác cây và trả lại đất cho gia đình ông nhưng anh C không trả, đến cuối năm 2017 thì phát sinh tranh chấp, quá trình tranh chấp đầu năm 2018 anh C đã trồng cây keo trên một phần diện tích (khoảng 7.751m²) của thửa đất tranh chấp.

Sau đó gia đình ông cũng trồng cây keo xuống một phần diện tích còn lại của thửa đất. Nay ông Đường Văn G yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 843, tờ bản đồ 02, diện tích 15.502m² và yêu cầu anh Nông Xuân C di dời các tài sản (các cây) trên đất mà anh C đã trồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nông Xuân C trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp là của bố anh là ông Nông Xuân V, năm 1989 ông V được Nhà nước giao quyền sử dụng rừng và trồng rừng tại lô 9+ 10 khoảnh 9, tiểu khu 10, phân trường II, diện tích 17,20 ha. Đến năm 1992, được giao tại vị trí tiểu khu 2, khoảnh 1, lô 5+6, diện tích 17,20 ha (Đất trên do Ủy ban nhân dân huyện B giao nhưng Lâm Trường B quản lý). Gia đình anh vẫn canh tác đúng vị trí, diện tích được giao đất, rừng theo hồ sơ đến nay. Sau khi Lâm Trường B giải thể thì hồ sơ giao đất, giao rừng của gia đình anh không bị thu hồi vì thời điểm đó gia đình anh vẫn đang quản lý và trồng rừng. Diện tích đất đang tranh chấp hiện nay giữa ông Đường Văn G với anh nằm trong một phần diện tích bố anh (ông Nông Xuân V) được Nhà nước giao (Diện tích đất tranh chấp 15.502m² nằm trong diện tích là 17,20 ha trong hồ sơ giao đất, giao rừng của ông Nông Xuân V). Lý do diện tích đất bố anh được giao đến nay vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vì trước đây Gia đình anh với một số hộ bên cạnh cũng có tranh chấp nên chưa được cấp.

Anh C không biết ông Đường Văn G đã đi kê khai diện tích đất đang tranh chấp từ thời điểm nào mà hiện nay ông Đường Văn G lại được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu anh biết ông G đã đi kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh đã có ý kiến. Việc ông Đường Văn G cho rằng năm 2007 anh C được hỏi mượn đất ông G là không có. Anh không được hỏi và thỏa thuận gì với ông G về việc mượn đất. Nay anh C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đường Văn G. Yêu cầu ông Đường Văn G chấm dứt việc tranh chấp đất đồng thời di dời các cây keo mà năm 2018 gia đình ông Đường Văn G đã trồng trên một phần diện tích đất tranh chấp. Yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T đối với thửa đất số 843, tờ bản đồ 02, diện tích 15.502m² vào ngày 19/12/2016.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn là anh Đường Quang B và bà Hoàng Thị T trình bày: Nhất trí với các ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn ông Đường Văn G.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn; chị Đồng Thị M, chị Nông Thị T, chị Nông Thị T1, bà Trần Thị P, ông Nông Xuân V và anh Nông Xuân T trình bày:

Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đường Văn G. Nhất trí với ý kiến của bị đơn anh Nông Xuân C, yêu cầu ông Đường Văn G chấm dứt việc tranh chấp đất đồng thời di dời các cây keo mà năm 2018 gia đình ông Đường Văn G đã trồng trên một phần diện tích đất tranh chấp và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho hộ

ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T đối với thửa đất 843, tờ bản đồ 02, diện tích 15.502 m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B, tỉnh Lạng Sơn người đại diện ông Lộc Quang C trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất 843, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 15.502,0 m² có nguồn gốc thuộc Lâm trường B quản lý (đã giải thể) được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn thu hồi và giao cho UBND huyện B quản lý theo Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 03/10/2007. Căn cứ hiện trạng quỹ đất lâm nghiệp trên địa bàn xã V, nhu cầu sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân và các quy định của pháp luật về giao đất, giao rừng, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 15/4/2016 về thực hiện việc giao đất, giao rừng gắn với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã T, V; UBND xã V đã ban hành phương án số 02/PA-UBND ngày 20/5/2016 về giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn xã V. Theo kế hoạch của UBND huyện và phương án của UBND xã V, công tác thực hiện các thủ tục hành chính về giao đất, giao rừng đã được triển khai thực hiện trên địa bàn xã. Ngày 22/8/2016, hộ ông Đường Văn G có đơn đề nghị giao đất, giao rừng đối với thửa đất số 843, tờ bản đồ 02, diện tích 15.502,0 m² gửi UBND huyện. Căn cứ hồ sơ đề nghị của ông Đường Văn G, sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục hành chính cần thiết, được UBND xã xác nhận. Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 6394/QĐ-UBND ngày 19/12/2016, về việc giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, rừng trên địa bàn xã T, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, trong đó: Giao thửa đất số 843, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 15.502,0 m² và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG734302, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00302 ngày cấp 19/12/2016 cho hộ ông Đường Văn G. Việc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đường Văn G được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc ông Nông Xuân C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG734302, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00302 ngày cấp 19/12/2016 mà Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho hộ ông Đường Văn G là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp. Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp được xác định như sau: Tài sản tranh chấp nằm tại thửa đất số 843, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 15.502 m² là đất rừng sản xuất, có tên gọi khe N, thuộc thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất hiện nay ông Đường Văn G đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/12/2016.

Thửa đất tranh chấp có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đường ĐH 78, chiều dài các cạnh: 0,78m + 97,29m; Phía Nam giáp với khe N, chiều dài cạnh 9,09m + 27,61m + 0,99m + 37,87m + 8,02m + 41,33m + 6,28m + 36,32m; Phía Bắc giáp với đất vườn thửa số 791 của ông Đường Văn B và ông Đường Văn T (Ông B và ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện nay anh Nông Xuân C đang quản lý, sử dụng), chiều dài cạnh 19,90m + 79,02m + 0,28m + 77,26m; Phía Tây giáp với thửa 892 của anh Nông Xuân C (chưa được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), chiều dài cạnh 25,34 + 76,04m.

Trên đất có các tài sản sau: Cây keo do gia đình ông Đường Văn G trồng 850 cây keo vào tháng 02/2018, đường kính cây keo là 01cm – 05cm nằm ở phía Tây thửa đất với diện tích là 7.751,0m²; gia đình anh Nông Xuân C trồng 850 cây keo vào tháng 02/2018, đường kính cây keo từ 01cm-05cm, nằm ở phía Đông thửa đất với diện tích là 7.751,0m².

Giá trị tài sản tranh chấp:

Về đất: Có giá là 7.000 đồng/m². Diện tích đất tranh chấp 15.502m² x 7.000 đồng = 108.514.000 đồng.

Về tài sản trên đất: Cây keo có đường kính từ 01cm-05cm có giá là 8.000 đồng/cây. 850 cây keo nằm ở phía Tây thửa đất do gia đình ông Đường Văn G trồng vào tháng 02/2018 có giá là: 6.800.000 đồng.

850 cây keo nằm ở phía Đông thửa đất do gia đình anh Nông Xuân C trồng vào tháng 02/2018 có giá là: 6.800.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 122.114.000 đồng.

Ngày 03/9/2019, Tòa án nhân dân huyện B đã ra Quyết định Trưng cầu Giám định đối với ông Hoàng Văn T, Giám định viên tư pháp theo vụ việc về lĩnh vực chuyên ngành đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Kết luận giám định ngày 10/10/2019 đã kết luận như sau:

1. Thửa đất số 843, tờ bản đồ địa chính số 02, tỷ lệ 1/10000 tiếp giáp với các thửa đất như sau:

- Phía Đông tiếp giáp đường nhựa (Đường DH 78);
- Phía Tây tiếp giáp thửa đất số 892 (*Trong Sổ Mục kê đất đai lập năm 2011 của xã V, huyện B, quy chủ sử dụng, ghi tên ông Nông Xuân C*);
- Phía Nam tiếp giáp Khe suối (*Khe N*);
- Phía Bắc tiếp giáp 02 thửa đất, thửa số 818 và 791:
 - + Thửa số 818 (*Trong Sổ Mục kê đất đai lập năm 2011 của xã V, huyện B, quy chủ sử dụng, ghi tên ông Đường Văn T*);
 - + Thửa số 791 (*Trong Sổ Mục kê đất đai lập năm 2011 của xã V, huyện B, quy chủ sử dụng, ghi tên ông Đường Văn B*);

2. Đối chiếu bản đồ giao đất, giao rừng, bản đồ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đường Văn G xác định thửa đất số 843, tờ bản đồ số 02, diện tích 15.502 m² trùng với Lô 17 theo sơ đồ giao đất, giao rừng cho hộ ông Đường Văn G, (Khoảnh 9, Lô 17, Tiểu khu 246 T “xã V” 42, S = 2,0ha).

Theo sổ mục kê đất đai lập năm 2011 và tờ bản đồ địa chính số 02 tỷ lệ 1:10000 của xã V thì thửa đất số 843, diện tích 15.502m² (*Trong Sổ Mục kê đất đai đã quy chủ sử dụng, ghi tên ông Đường Văn G*);

Với nội dung như trên, Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên.

Căn cứ Điều 4, 26, 100,105 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 158; 160; 161; 189; 221; 357; 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 34; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; 158; khoản 1 Điều 160, 161, 162; khoản Điều 165; 166; 271 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quyền sử dụng đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đường Văn G, ông Đường Văn G được quản lý và sử dụng thửa đất số 843, tờ bản đồ 02, diện tích 15502m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CG734302, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00302 đã được UBND huyện Bắc Sơn cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T vào ngày 19/12/2016. Thửa đất có ranh giới tiếp giáp và kích thước các cạnh. (Có Bản vẽ sơ họa khu đất tranh chấp kèm theo bản án).

Ông Đường Văn G được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm 1700 cây keo, có đường kính từ 01cm-05cm. Ghi nhận việc ông Đường Văn G tự nguyện thanh toán cho anh Nông Xuân C giá trị 850 cây keo với số tiền là 6.800.000đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nông Xuân C về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CG734302, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00302 đã được UBND huyện B cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T vào ngày 19/12/2016 đối với thửa đất số 843, tờ bản đồ 02, diện tích 15502m² tại khe N thuộc thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí trung cầu giám định. Anh Nông Xuân C phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trung cầu giám định. Anh Nông Xuân C phải hoàn trả cho ông Đường Văn G số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Ông Đường Văn G được trả lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi xuất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Trong thời hạn luật định anh Nông Xuân C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Đường Văn G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Đường Văn G đã tự nguyện đồng ý thỏa thuận như sau: Ông Đường Văn G được quản lý sử dụng ½ thửa đất đang tranh chấp số 843, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 15502m² : 2 = 7751m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 734302, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00302 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T vào ngày 19/12/2016 và được sở hữu số cây keo ông Đường Văn G đã trồng vào tháng 02/2018, đường kính cây keo là 01cm – 05cm nằm ở phía **Tây** thửa đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm. Anh Nông Xuân C được quản lý sử dụng ½ thửa đất đang tranh chấp số 843, tờ bản đồ 02, diện tích 15502m² : 2 = 7751m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CG 734302, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00302 đã được UBND huyện B cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T vào ngày 19/12/2016 và được sở hữu số cây keo anh Nông Xuân C đã trồng vào tháng 02/2018, đường kính gốc cây keo là 01cm – 05cm nằm ở phía **Đông** thửa đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2019. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và Giám định tư pháp tại cấp sơ thẩm ông Đường Văn G tự nguyện chịu toàn bộ. Chi phí tại cấp phúc thẩm anh Nông Xuân C tự chịu toàn bộ.

Về án phí: Ông Đường Văn G tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nông Xuân C tự chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự phúc thẩm và xác nhận ông Đường Văn G đã nộp theo biên lai thu của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn anh Nông Xuân C cũng đồng ý nhất trí thỏa thuận với ý kiến của ông Đường Văn G như nêu trên.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng nhất trí với sự thỏa thuận của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nông Xuân C làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau. Nguyên đơn ông Đường Văn G được quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất đang tranh chấp số 843, tờ bản đồ 02, diện tích $15502m^2 : 2 = 7751m^2$ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 734302, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00302 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T vào ngày 19/12/2016 và được sở hữu số cây keo ông Đường Văn G đã trồng vào tháng 02/2018, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2019. Anh Nông Xuân C được quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất đang tranh chấp số 843, tờ bản đồ 02, diện tích $15502m^2 : 2 = 7.751m^2$ và được sở hữu số cây keo anh Nông Xuân C đã trồng vào tháng 02/2018, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2019.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; định giá tài sản tranh chấp và Giám định tư pháp tại cấp sơ thẩm ông Đường Văn G tự nguyện chịu toàn bộ. Chi phí tại cấp phúc thẩm anh Nông Xuân C tự nguyện chịu toàn bộ.

Về án phí: Ông Đường Văn G tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm. Anh Nông Xuân C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí phúc thẩm.

Việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5; Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST

ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, bị đơn (đã nêu tại phần trên). Tuy nhiên họ đã có đơn xin xử vắng mặt và văn bản ủy quyền, hơn nữa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Đường Văn G và bị đơn anh Nông Xuân C đã tự nguyện đồng ý thỏa thuận giải quyết được toàn bộ như sau: Ông Đường Văn G được quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất đang tranh chấp số 843, tờ bản đồ địa chính số 02, có diện tích $15502m^2 : 2 = 7751m^2$ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 734302, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00302 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T vào ngày 19/12/2016 và được sở hữu số cây keo ông Đường Văn G đã trồng trên diện tích đất tranh chấp vào tháng 02/2018, đường kính gốc là 01cm – 05cm nằm ở phía **Tây** thửa đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm. Anh Nông Xuân C được quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất đang tranh chấp số 843, tờ bản đồ địa chính số 02, có diện tích $15502m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 734302, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00302 của UBND huyện B cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T vào ngày 19/12/2016 và được sở hữu số cây keo anh Nông Xuân C đã trồng trên diện tích đất tranh chấp vào tháng 02/2018, nằm ở phía **Đông** thửa đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2019. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và Giám định Tư pháp tại cấp sơ thẩm ông Đường Văn G tự nguyện chịu toàn bộ. Chi phí Giám định tại cấp phúc thẩm anh Nông Xuân C tự chịu toàn bộ. Về án phí: Ông Đường Văn G tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nông Xuân C tự chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 5; Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Đường Văn G phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Đường Văn G đã nộp đủ.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nông Xuân C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Nông Xuân C đã nộp đủ.

[8] Về chi phí tố tụng: Ông Đường Văn G tự nguyện chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và Giám định tư pháp. Xác nhận ông Đường Văn G đã nộp đủ.

[9] Anh Nông Xuân C tự nguyện chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí Giám định tại cấp phúc thẩm. Xác nhận anh Nông Xuân C đã nộp đủ.

[10] Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5; Điều 300; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể như sau:

1. Ông Đường Văn G được quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất đang tranh chấp số 843, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích $15502m^2 : 2 = 7751m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 734302, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00302 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T vào ngày 19/12/2016 và được sở hữu số cây keo do ông Đường Văn G đã trồng trên diện tích đất tranh chấp vào tháng 02/2018, nằm ở phía **Tây** thửa đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2019. (Có sơ họa kèm theo).

Ông Đường Văn G có quyền kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh biến động diện tích đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục chung.

2. Anh Nông Xuân C được quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất đang tranh chấp số 843, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích $15502m^2 : 2 = 7751m^2$ ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 734302, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00302 đã được UBND huyện B cấp cho hộ ông Đường Văn G và bà Hoàng Thị T vào ngày 19/12/2016 và được sở hữu số cây keo anh Nông Xuân C đã trồng trên diện tích đất tranh chấp vào tháng 02/2018, nằm ở phía **Đông** thửa đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm. (Có sơ họa kèm theo)

Anh Nông Xuân C có quyền kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục chung.

3. Về chi phí Tố tụng: Ông Đường Văn G phải chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và Giám định tư pháp. Xác nhận ông Đường Văn G đã nộp đủ.

Anh Nông Xuân C phải chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí Giám định tại cấp phúc thẩm. Xác nhận anh Nông Xuân C đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đường Văn G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Đường Văn G đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000194 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nông Xuân C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Nông Xuân C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000240 ngày 21/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến